

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi FED công bố tăng lãi suất thêm 0.75%, phù hợp với mức thị trường đã đánh giá trước đó

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PHR, DCM

[Cập nhật công ty]

POW

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị trải hạ dần tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn tại các vùng kháng cự gần đối với cổ phiếu mục tiêu

16/06/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,236.63	+1.87
VN30	1,280.37	+2.18
HĐTL VN30F1M	1,286.00	+2.77
HNXIndex	287.77	+1.60
HNX30	514.32	+2.19
UPCoM	89.25	+0.68
USD/VND	23,200	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.31	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.45	+15
Dầu (WTI, \$)	115.33	+0.02
Vàng (LME, \$)	1,832.55	-0.07

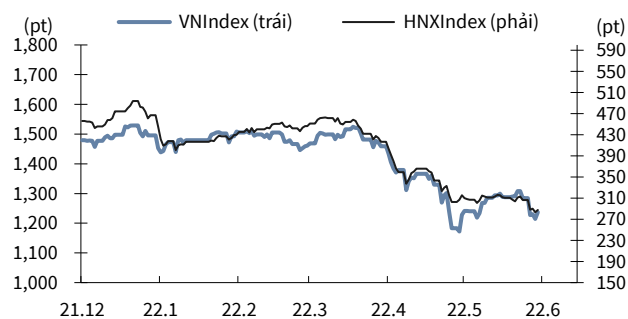


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,236.63 (+1.87%)
KLGD (triệu CP)	561.7 (-5.7%)
GTGD (triệu U\$)	635.7 (-10.4%)
HNXIndex	287.77 (+1.60%)
KLGD (triệu CP)	66.7 (-20.7%)
GTGD (triệu U\$)	61.2 (+0.6%)
UPCoM	89.25 (+0.68%)
KLGD (triệu CP)	50.6 (-10.4%)
GTGD (triệu U\$)	52.9 (+2.6%)
NĐTNN mua ròng (triệu U\$)	+32.8

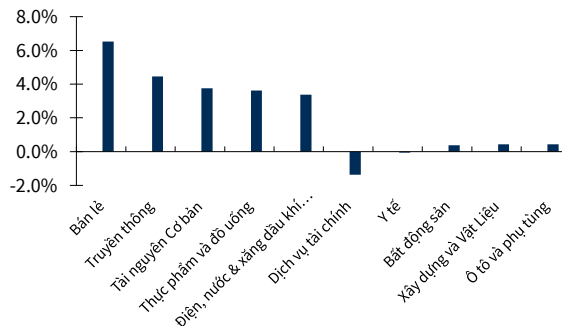
TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi FED công bố tăng lãi suất thêm 0.75%, phù hợp với mức thị trường đã đánh giá trước đó. Theo tập đoàn điện lực Việt Nam, sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống tháng 5/2022 đạt 23.34 tỷ kWh, tương ứng cùng kỳ nhưng sản lượng huy động từ thủy điện tăng mạnh lên 30.53 tỷ kWh (+27.2% YoY), chiếm 28% tổng sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm điện ở PSH (+6,9%), PC1 (+6.9%). Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết, mặc dù giá dầu thô tăng vọt và triển vọng kinh tế toàn cầu suy yếu nhưng nhu cầu sử dụng dầu thô toàn cầu trong năm 2023 được dự báo sẽ tăng thêm 2.2 triệu thùng/ngày tương đương tăng 2% so với năm 2022, chạm mức cao kỷ lục 101.6 triệu thùng/ngày giúp cổ phiếu dầu khí tiếp tục tăng ở BSR (+3.5%), PVS (+3%). Khối ngoại mua ròng ở HPG (+5.4%), STB (+1.5%), SSI (-2.2%).

VNIndex & HNXIndex



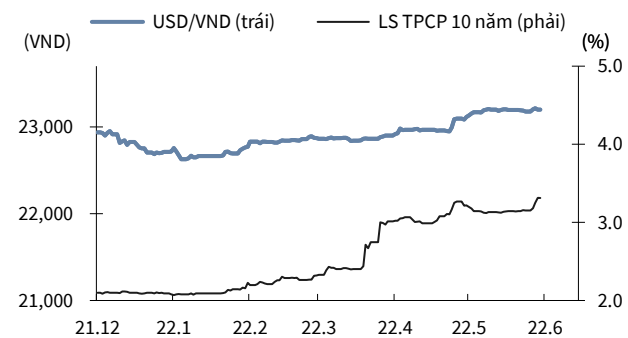
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,280.37 (+2.18%)
VN30F1M	1,286.0 (+2.77%)
Mở cửa	1,261.0
Cao nhất	1,286.5
Thấp nhất	1,260.7

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2206 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất ngày đạt 14.91 điểm, sau đó biến động giằng co trong biên độ -5.8 và 5.5 điểm trước khi đóng cửa ở mức 5.54 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

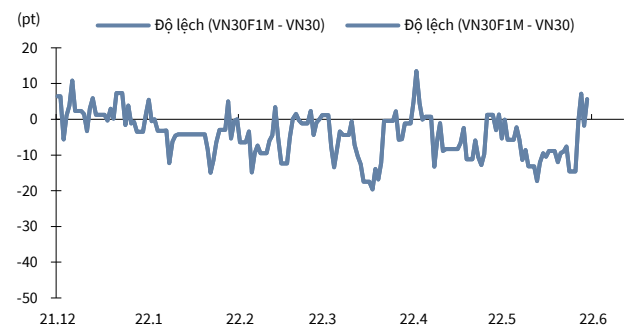
KLGD (HĐ)	322,007 (-15.0%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



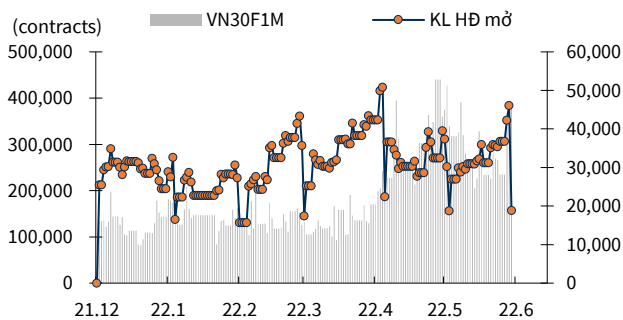
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



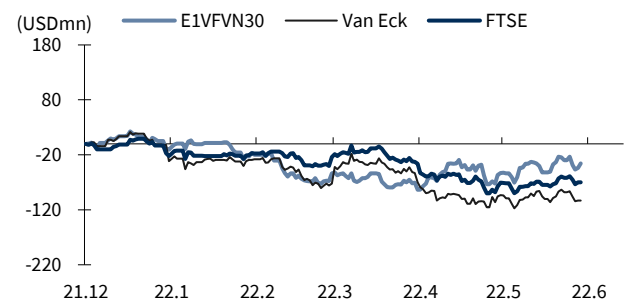
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

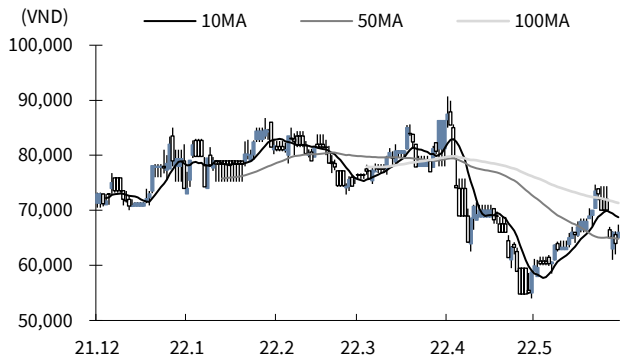
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Cao su Phước Hòa (PHR)

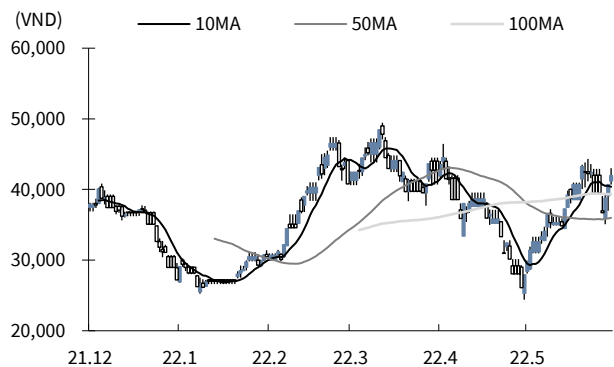


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCI tăng 3.1% lên 66,000 VND/cp

- Theo thông tin từ PHR, dự án VSIP 3 sẽ kí quyết định phê duyệt 1/2000 trong tuần này, theo đó PHR sẽ được đền bù, đủ điều kiện ghi nhận lợi nhuận 691 tỷ VND, và 208 tỷ đồng chuyển qua năm 2023. Ngoài ra, PHR sẽ nhận được 20% lợi nhuận từ VSIP3 (góp vốn 20%), hiện tại VSIP3 đã kí với Lego giá 110 USD/m², dự kiến giá thuê cho các phần đất còn lại tăng 15-20% mỗi năm do nguồn cung đất công nghiệp tại Bình dương hiện tại là rất khan hiếm.

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM tăng 3.1% xuống 41,950 VND/cp

- Đamh Cà Mau thông báo ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền năm 2021 tỷ lệ 18% vốn điều lệ là ngày 6/7. Theo đó, doanh nghiệp dự chi 953 tỷ đồng để thanh toán cổ tức, ngày chi trả là 26/7.

Hồi phục từ mức nền thấp của năm 2021

Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

16/06/2022

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế Quý 1/2022 có diễn biến ngược chiều

Trong Quý 1/2022, POW ghi nhận kết quả kinh doanh ngược chiều với Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 7,061 tỷ VNĐ (-8% YoY) và 803 tỷ VNĐ (+42% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 14.6% so với mức 11.4% của Quý 1/2021 và việc tiết giảm các chi phí như chi phí lãi vay đạt 54 tỷ VNĐ (-60% YoY) và chi phí BH&QLDN giảm còn 116 tỷ VNĐ (-19% YoY) là động lực chính của tăng trưởng LNST.

Nhiệt điện khí: Triển vọng hồi phục tuy nhiên sẽ phân hoá giữa các nhà máy điện

Chúng tôi kì vọng sản lượng năm 2022 của mảng điện khí sẽ đạt mức tăng trưởng 22.8% với các động lực chính: (1) Nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc hồi phục trong năm 2022 với mức tăng trưởng sản lượng điện dự phóng khoảng 10.5% - mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây; (2) Các nhà máy nhiệt điện khí phục hồi trong Quý 2 và Quý 3/2021 do ảnh hưởng từ giãn cách xã hội. Tuy nhiên, triển vọng tích cực giữa các nhà máy sẽ không được duy trì đồng đều khi NT2 sẽ là nhà máy có triển vọng tích cực nhất trong khi Cà Mau tiếp tục gặp khó khăn về nguồn khí đầu vào cho tới năm 2023.

Mảng thủy điện: Tiếp tục tích cực nhờ vào tình hình thủy văn thuận lợi

Diễn biến thiếu nguồn cung than cho các nhà máy điện than cũng như giá khí đầu vào của các nhà máy điện khí cao góp phần đẩy giá thị trường điện cạnh tranh (CGM) duy trì ở mức cao, điều này là 1 tín hiệu tích cực với thủy điện do chi phí để phát điện của các nhà máy thủy điện thấp, dẫn tới lợi nhuận từ thị trường điện cạnh tranh cao hơn cho các nhà máy điện này. Do đó, chúng tôi cho rằng mảng thủy điện của POW sẽ tiếp tục có diễn biến thuận lợi trong năm 2022.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 19,800 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá SOTP và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu POW. Giá mục tiêu là 19,800 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 36.6% so với giá tại ngày 15/06/2022.

Mua

Giá mục tiêu

VNĐ 19,800

Tăng/giảm (%)	36.6%
Giá hiện tại (15/06/2022)	VNĐ14,500
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ16,900

Dự phóng KQKD & định giá

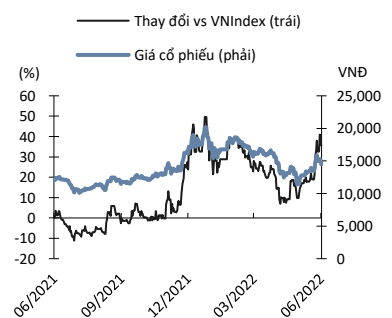
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	29,732	24,565	30,118	31,875
EBIT	3,371	2,405	3,164	3,471
LN sau CĐTS	2,365	1,779	2,678	2,359
EPS (VNĐ)	999	760	1,144	1,007
Thay đổi EPS (%)	-2.8	-23.9	51.0	-12.0
P/E (x)	42.5	95.4	17.8	20.2
EV/EBITDA (x)	17.3	33.0	9.4	9.6
P/B (x)	3.2	5.3	1.3	1.1
ROE (%)	8.5	6.3	8.2	6.4
Tỷ suất cổ tức (%)	1.0	0.4	0.0	0.0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	198.14
Sở hữu nước ngoài (%)	46.8%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (79.94%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
POW	33.2	-2.6	-8.1	26.6
VNINDEX	28.0	14.5	10.2	40.7

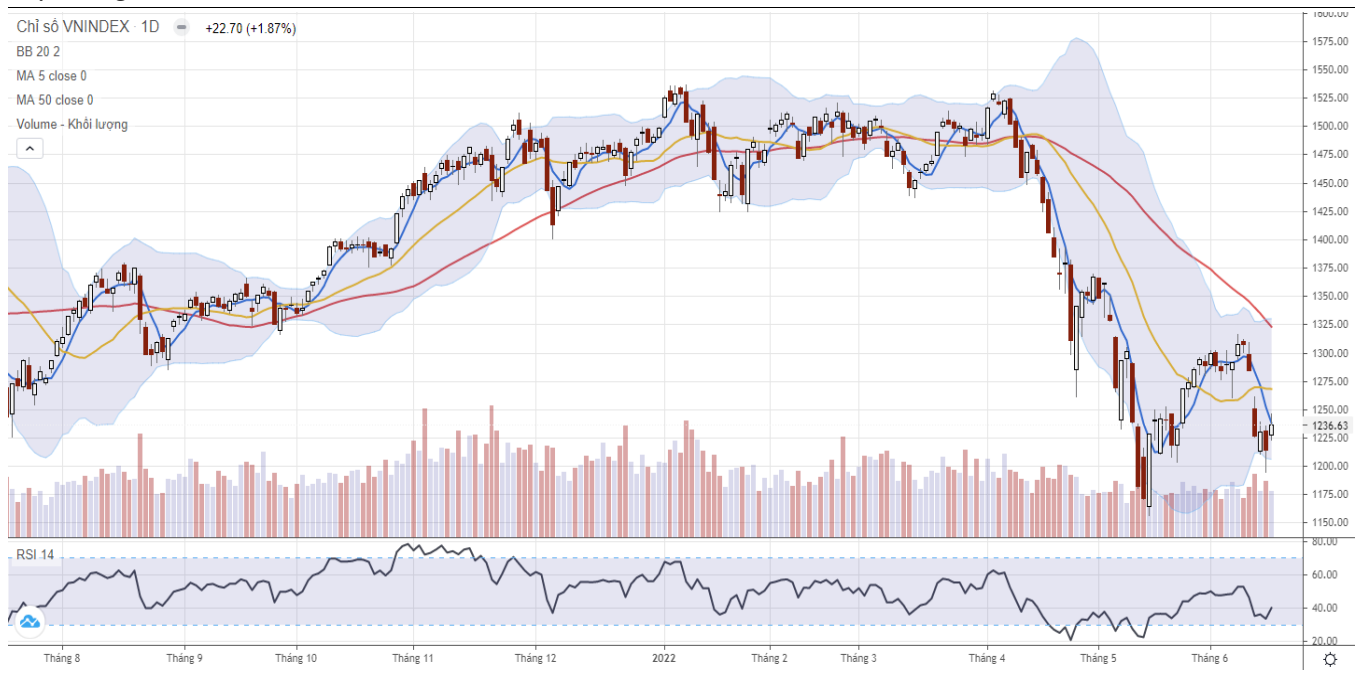


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

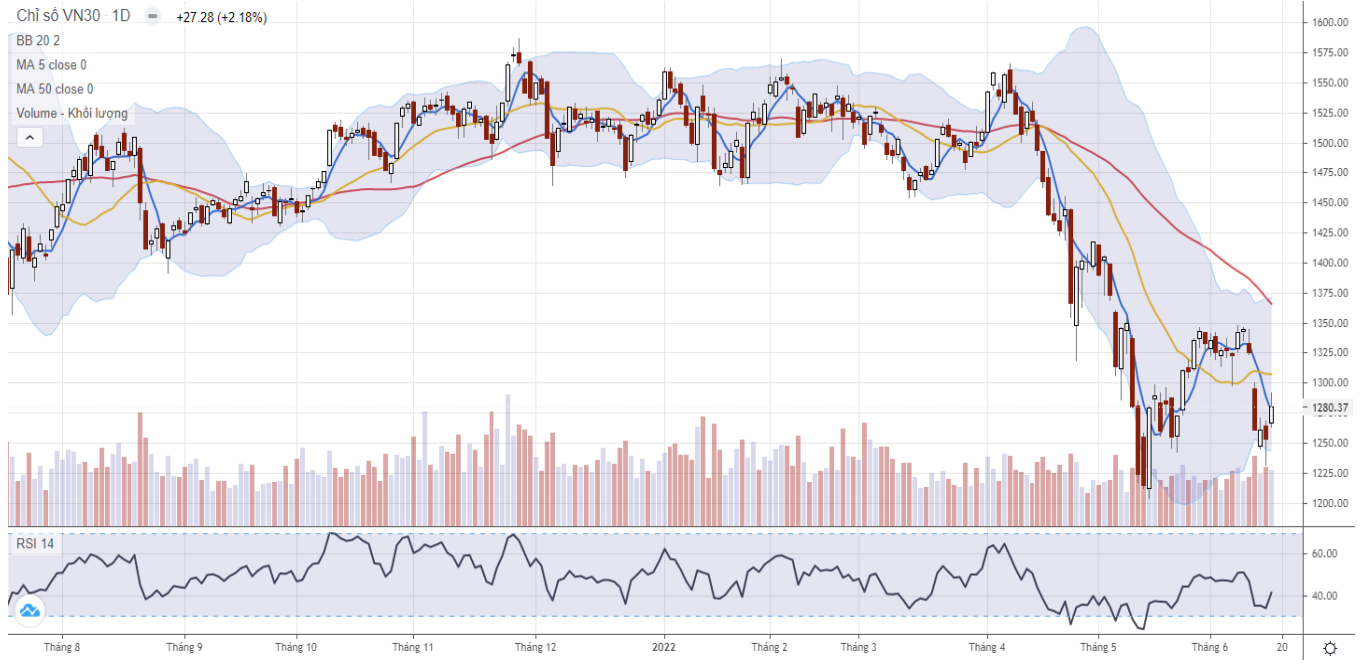
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm với các nhịp tăng gổ đầu trong phiên trước khi đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Áp lực phân phối gia tăng quanh vùng kháng cự gần 1250 khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục vẫn hiện hữu, VNIndex nhiều khả năng sẽ quay xuống kiểm định lại vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1200 trước khi thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- NĐT được khuyến nghị trải hạ dần tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn tại các vùng kháng cự gần đối với cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1279 - 1283

Kháng cự gần: 1266 - 1270

Hỗ trợ gần: 1237 - 1240

Hỗ trợ xa: 1215 - 1220

- F1 tăng điểm với các nhịp tăng gối đầu trong phiên trước khi đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời gia tăng quanh vùng kháng cự gần 128x khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục vẫn hiện hữu, F1 nhiều khả năng sẽ quay xuống kiểm định lại vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1230 trước khi thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

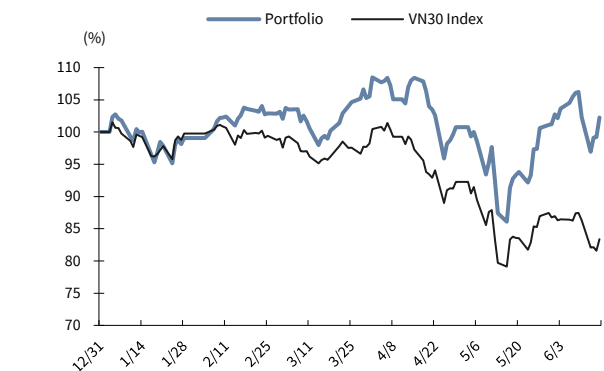
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	2.18%	3.09%
Tăng lũy kế (YTD)	-16.63%	2.26%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/06/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	79,000	7.0%	91.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	62,900	2.3%	2.0%	- Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	121,800	3.2%	53.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	171,000	1.1%	-11.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	96,800	6.6%	207.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	92,000	1.7%	210.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	24,700	0.8%	29.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	128,000	3.2%	68.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	31,000	5.4%	103.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	42,700	-0.5%	213.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	5.4%	25.4%	251.4
STB	1.5%	4.5%	61.7
SSI	-2.2%	20.8%	56.3
GAS	3.2%	37.3%	50.5
BVH	2.0%	26.6%	45.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DGC	6.9%	15.8%	-43.3
MWG	6.9%	54.4%	-100.0
DXG	-4.1%	17.9%	-35.3
GEG	7.0%	12.4%	-24.1
NT2	1.8%	28.9%	-24.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HUT	8.4%	2.9%	5.1
TNG	3.1%	58.4%	3.8
IDC	3.8%	71.5%	2.6
MBG	1.4%	2.3%	1.6
PVS	3.0%	0.7%	0.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BVS	0.5%	8.3%	-1.2
VCS	0.7%	1.3%	-0.9
NVB	0.6%	1.9%	-0.7
PVC	0.0%	0.6%	-0.4
DP3	-2.1%	3.2%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	0.8%	VDP, TRA
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.1%	GAS, VSH
Y tế	-3.0%	NVL, HPX
Công nghệ thông tin	-3.7%	RIC, HOT
Bảo hiểm	-4.2%	ST8, ICT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-18.7%	VND, SSI
Dầu khí	-10.8%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-10.5%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	-9.4%	ADG, YEG
Hóa chất	-7.6%	GVR, DPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	27.0%	GAS, POW
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	25.2%	MWG, FRT
Hóa chất	21.1%	FPT, CMG
Công nghệ thông tin	16.5%	DGC, DCM
Hàng cá nhân & Gia dụng	13.0%	PNJ, MSH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-13.3%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	-8.7%	SSI, VND
Du lịch và Giải trí	-3.4%	HVN, VJC
Bất động sản	0.7%	DIG, DXG
Y tế	1.6%	DBD, DHG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	142,941 (6.2)	22.5	260.0	91.7	14.7	1.0	3.0	2.8	2.8	-0.1	-1.9	-0.5	-19.5	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	210,515 (9.1)	26.6	9.0	7.6	35.9	22.8	21.9	1.9	1.6	0.2	-3.4	0.3	-19.5	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	74,305 (3.2)	17.8	29.4	19.5	-7.6	7.3	10.2	2.1	1.9	1.0	-5.5	11.2	-3.0	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	205,440 (8.9)	31.3	27.7	21.9	6.7	15.1	16.4	3.8	3.3	1.4	1.3	3.3	-14.8	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	37,242 (1.6)	11.6	18.8	15.3	13.7	12.9	17.2	2.2	2.0	2.6	-4.8	-0.5	-23.3	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	255,536 (11.0)	13.9	10.7	10.6	-	13.5	11.6	1.2	1.2	-4.1	-	18.8	19.6	-42.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	71,813 (3.1)	6.3	14.1	11.6	11.7	21.5	22.1	2.7	2.3	3.4	1.7	6.6	0.4	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	34,861 (1.5)	12.7	12.3	9.8	-5.3	16.1	17.2	1.7	1.4	0.9	-6.4	0.3	-12.9	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	199,422 (8.6)	0.0	5.8	4.9	14.3	20.9	19.9	1.1	0.9	1.0	-3.6	10.6	-27.9	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	109,724 (4.7)	1.4	6.1	5.4	50.3	18.3	20.5	1.1	0.9	0.8	-	10.8	0.6	-27.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	323,921 (14.0)	0.0	6.6	6.5	18.8	21.1	17.1	1.3	1.0	0.5	-7.9	0.0	-19.0	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	206,413 (8.9)	0.0	6.0	4.8	14.6	24.1	22.9	1.2	1.0	0.0	-	10.4	1.2	-13.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	56,973 (2.5)	4.2	6.7	5.7	23.3	22.4	21.2	1.4	1.1	1.8	-3.3	10.9	-19.1	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	371,475 (16.0)	14.0	10.5	9.6	26.5	11.6	14.9	1.0	0.9	1.4	-5.8	10.2	-33.3	
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	89,318 (3.9)	0.0	11.6	6.5	37.4	22.3	21.0	1.3	1.1	0.9	-	10.8	13.5	-34.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,082 (0.3)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	-0.3	0.8	-1.6	-9.2		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	86,350 (3.7)	21.0	16.4	13.4	15.8	11.0	12.2	1.7	1.5	1.9	-4.7	9.4	-6.4	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	14,244 (0.6)	14.2	15.1	12.2	9.1	13.0	15.2	1.7	1.6	1.8	-5.7	11.2	-29.2	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	519,824 (22.4)	55.4	9.0	9.3	-3.2	17.4	12.9	-	-	-2.2	-	23.6	18.9	-57.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	180,295 (7.8)	71.9	7.1	-	-4.0	27.1	-	-	-	-0.6	22.9	3.1	-56.0	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	93,731 (4.0)	52.4	6.6	-	-19.0	19.5	-	-	-	0.3	21.3	12.5	-59.3	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	252,262 (10.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.7	-	27.3	19.9	-45.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	126,617 (5.5)	42.1	15.7	14.3	4.0	28.0	28.8	4.2	3.8	5.4	-3.1	3.3	-21.3	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,830 (1.2)	36.9	23.4	19.6	7.3	20.0	21.3	4.3	3.8	2.9	-0.4	-0.9	3.6	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	116,205 (5.0)	16.5	24.6	18.9	-51.9	18.6	21.2	3.8	3.2	4.4	-6.6	22.7	-22.3	
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	29,065 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	1.1	17.6	-8.0	-56.1	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,787 (3.7)	11.0	55.2	-	-88.5	7.7	-	-	-	0.7	-1.9	-0.5	-2.3	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	176,462 (7.6)	10.8	20.7	16.8	-57.0	12.1	13.5	2.3	2.1	3.6	-7.8	12.4	15.0	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	107,512 (4.6)	38.4	6.2	30.4	65.7	14.1	2.6	0.8	0.8	2.0	-	14.6	-4.5	-61.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	32,564 (1.4)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-3.1	-	25.1	47.3	-81.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	254,868 (11.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.3	10.6	6.6	-48.3	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	30,945 (1.3)	3.6	46.5	11.2	-52.4	1.3	4.5	-	-	0.9	-3.0	28.6	-49.3	
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	127,090 (5.5)	0.0	15.0	13.4	-4.5	15.8	14.4	2.2	2.2	6.6	0.0	47.6	61.1	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	169,012 (7.3)	46.1	19.1	18.1	-17.5	22.1	20.7	4.3	3.8	3.2	0.3	34.7	33.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	50,475 (2.2)	31.4	13.8	12.6	-10.5	15.0	15.0	1.8	1.8	1.8	1.8	35.7	7.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,800 (0.1)	34.1	14.3	7.6	-5.1	8.4	16.0	-	-	0.8	-9.0	0.8	-26.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	747,854 (32.3)	18.0	4.7	4.7	21.9	28.9	23.5	1.2	0.9	5.4	-8.3	-	-33.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	318,162 (13.7)	36.5	6.3	9.9	-0.5	36.1	19.2	1.7	1.7	2.3	-6.0	36.6	25.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	259,500 (11.2)	46.5	7.9	11.3	-4.5	35.7	20.6	2.3	2.1	3.1	-1.1	60.7	14.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	180,743 (7.8)	38.9	3.5	4.1	67.9	23.1	15.8	0.6	0.6	-2.6	-	-	-54.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	52,194 (2.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.4	11.3	9.3	-41.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	58,527 (2.5)	4.6	19.6	16.0	-51.0	11.0	12.3	2.1	1.9	2.6	-	7.5	-22.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	205,582 (8.9)	39.9	39.4	19.7	-11.9	1.9	4.1	0.8	0.8	0.2	-	21.4	-15.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	83,990 (3.6)	35.9	9.1	8.5	2.2	14.6	14.4	1.2	1.2	3.4	-	18.9	-12.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	224,655 (9.7)	0.0	18.1	15.3	14.4	28.1	28.2	4.8	4.3	7.0	3.4	28.5	16.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	143,871 (6.2)	0.0	19.8	15.7	2.4	22.3	22.2	3.5	2.9	3.2	-5.2	24.3	26.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,459 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	7.0	-1.2	42.9	-3.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	147,320 (6.4)	30.3	20.6	18.2	-75.2	29.8	26.0	-	-	6.9	-2.7	44.2	46.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	33,913 (1.5)	34.6	9.2	10.7	41.2	33.0	24.6	2.7	2.4	3.1	-9.6	20.0	-7.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,104 (0.0)	45.4	13.8	12.7	10.7	22.3	21.7	2.8	2.5	1.0	-2.0	0.4	-19.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	239,769 (10.3)	0.0	19.7	16.1	15.5	26.5	27.8	4.8	4.1	1.7	-4.2	18.5	18.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.